

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST
Ngày 08-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo: Nguyễn Thị L, sinh ngày 10 tháng 3 năm 197x tại thị trấn K, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang L và bà Hoàng Thị C; có chồng là Nguyễn Khắc V (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Bị hại: Ông Lê Anh T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 299, đường Hùng Vương, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Đình Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 47, ngõ 379, đường Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Bà Đình, thành phố Hà Nội “vắng mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ: Ông Phan Minh T, sinh năm 1974 – Luật sư, văn phòng Luật sư Ban Mai, đoàn Luật sư thành phố

Hà Nội; địa chỉ: Phòng 702, Tòa Pháp A, 173 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái phục vụ nhu cầu đi lại và mục đích kinh doanh, ngày 15/10/2023, Nguyễn Thị L đến cửa hàng kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái tại số nhà 299, đường Hùng Vương, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên do anh Lê Anh T là chủ để hỏi thuê xe ô tô. Tại đây, L gặp ông Lê Văn H, sinh năm 1963, trú tại phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên (là bố đẻ của anh T), thỏa thuận thuê xe ô tô nhãn hiệu KIA Morning, màu đỏ, BKS: 88A-118.73, giá thuê 500.000đ/ngày, thời gian thuê 10 ngày, kể từ ngày 15/10/2023 đến ngày 25/10/2023, đặt cọc số tiền 5.000.000đồng. Sau đó, ông H và L lập Hợp đồng thuê xe, L ký vào phần đại diện bên B (Người thuê xe), anh T ký vào phần đại diện bên A (người cho thuê xe), trong hợp đồng thuê xe quy định L có trách nhiệm bảo quản, sử dụng đúng mục đích thuê xe, không dùng xe vào việc vi phạm pháp luật, không được cho thuê lại tài sản hoặc giao cho đối tượng khác sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào. Sau khi ký hợp đồng thuê xe, ông H bàn giao cho L xe ô tô BKS: 88A-118.XX cùng 01 bộ giấy tờ bao gồm 01 Giấy đăng ký xe (bản phô tô), 01 đăng kiểm xe và 01 bảo hiểm bắt buộc (bản gốc). Sau khi thuê xe L sử dụng xe ô tô trên làm phương tiện đi lại. Đến ngày 18/10/2023, do không có tiền chi tiêu, L nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô BKS: 88A-118.XX để vay tiền nên liên hệ với anh Lương Đình Đ ở Hà Nội hỏi vay số tiền 80.000.000đồng và thỏa thuận thế chấp bằng xe ô tô BKS 88A-118.73. Anh Đ đồng ý và chuyển cho L số tiền 80.000.000đồng qua STK 42510001199509, Ngân hàng BIDV, tên chủ tài khoản Nguyễn Thị L. Đến chiều tối cùng ngày, anh Đ đến quán của L tại số 73, đường Nguyễn Tất Thành, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên để nhận xe ô tô BKS 88A-118.XX theo như thỏa thuận. L giao xe và giấy tờ liên quan (đăng ký xe bản photo, đăng kiểm và bảo hiểm xe đều là bản gốc) cho anh Đ. Khi hết thời hạn thuê xe, L liên hệ với anh T, đề nghị gia hạn thời hạn thuê xe ô tô thêm 10 ngày, đến ngày 05/11/2023, anh T đồng ý, tuy nhiên, hai bên không lập hợp đồng thuê xe. Hết thời hạn thuê xe, anh T không liên lạc được với L nên ngày 18/11/2023 đã đến Công an thành phố Vĩnh Yên trình báo sự việc.

Ngày 20/11/2023, anh Lương Đình Đ tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Điều tra 01 xe ô tô BKS: 88A-118.XX để phục vụ điều tra. Đối với 01 Giấy đăng ký xe (bản phô tô), 01 đăng kiểm xe và 01 bảo hiểm bắt buộc (bản gốc) anh Đ đã làm thất lạc nên Cơ quan Điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 172/KL-HĐĐG ngày 29/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên kết luận: Trị giá chiếc xe ô tô BKS: 88A-118.XX trị giá 170.000.000đồng.

Ngày 19/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên ra quyết định trưng cầu giám định tài liệu đối với chữ viết dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trong hợp đồng thuê xe ô tô. Tại kết luận giám định số 340/KL-KTHS ngày 01/2/2024, phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trong hợp đồng nêu trên so với chữ ký, chữ viết trong bản tự khai mang tên Nguyễn Thị L ngày 01/12/2023 là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 28/12/2023, Cơ quan Điều tra có công văn gửi Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) cung cấp sao kê của tài khoản số 42510001199509 đứng tên Nguyễn Thị L và công văn gửi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) yêu cầu cung cấp sao kê của tài khoản số 19120002438018 đứng tên Lương Đình Đ. Ngày 03/01/2024 và 05/01/2024, Ngân hàng Techcombank và Ngân hàng BIDV đã cung cấp sao kê, trong đó thể hiện hồi 08 giờ 11 phút ngày 18/12/2023, Đ đã chuyển khoản cho L số tiền 80.000.000đồng.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-VY ngày 18 tháng 01 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố Nguyễn Thị L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tính chất nghiêm trọng của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đối với Luận tội của Viện kiểm sát bị cáo đồng ý nên không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại anh Lê Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đều trình bày và xác nhận: Việc bị cáo trình bày về việc thuê xe của anh sau đó đem xe đi cấm và không trả lại xe cho anh là đúng nên anh không bổ sung gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Nay anh đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về dân sự đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đều đã trình bày và xác nhận: Bị cáo trình bày về việc đặt vấn đề vay tiền và cầm xe ô tô là đúng. Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên khi bị cáo L liên hệ vay tiền và sử dụng xe ô tô BKS: 88A-118.XX để thế chấp, anh Đ tin tưởng, không hỏi nguồn gốc xe ô tô, không biết xe ô tô BKS: 88A-118.XX là do L thuê của anh T mà có nên đã chuyển tiền cho L số tiền 80.000.000đồng và sử dụng xe ô tô BKS: 88A-118.73. Sau khi biết xe ô tô BKS: 88A-118.XX là do L thuê của anh T, anh Đ đã tự nguyện giao nộp tại cơ quan điều tra để phục vụ điều tra. Đối với số tiền 80.000.000đồng, L đã trả hết cho anh Đ, anh Đ không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 15/10/2023, tại cửa hàng kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái tại số nhà 299, đường Hùng Vương, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên do anh Lê Anh T là chủ, Nguyễn Thị L đã thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Morning, màu đỏ, BKS: 88A-118.XX làm phương tiện đi lại cá nhân. Đến ngày 18/10/2023, do không có tiền tiêu xài cá nhân, L đã đem cầm cố xe ô tô trên cho anh Lương Đình Đ lấy số tiền 80.000.000đồng để chi tiêu cho bản thân. Sau đó, không có khả năng chuộc lại tài sản trả cho chủ sở hữu. Theo kết quả định giá, trị giá xe ô tô BKS: 88A-118.XX là 170.000.000đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo L đã cấu thành tội

“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định: “1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác ... và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang nghi ngờ trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật như mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo có nghề nghiệp nhưng chỉ đủ nuôi sống bản thân và mức thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản gì. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

Đối với xe ô tô BKS: 88A-118.73, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lê Anh T nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại xe ô tô BKS: 88A-118.XX cho anh T và bị cáo L đã trả đủ tiền thuê xe ô tô BKS: 88A-118.XX nên anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự;

Đối với Giấy đăng ký xe bản phô tô, Giấy đăng kiểm và Bảo hiểm TNDS anh T không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với 01 Hợp đồng thuê xe ô tô ngày 15/10/2023, quá trình điều tra xác định là tài liệu chứng cứ, đã được đánh số bút lục chuyển theo hồ sơ vụ án nên lưu tại hồ sơ.

Anh Lương Đình Đ và bị cáo có mối quan hệ quen biết từ trước nên khi bị cáo liên hệ vay tiền và sử dụng xe ô tô BKS: 88A-118.XX để cầm cố, anh Đ tin tưởng, không hỏi nguồn gốc xe ô tô, không biết xe ô tô BKS: 88A-118.XX là do bị cáo L thuê của anh T mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Đ. Đối với số tiền 80.000.000đồng, L đã trả hết cho anh Đ, anh Đ không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần dân sự trong vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã K , huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- CQĐT - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQCSTHAHS-CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên